

**CHÍNH QUYỀN CHÚA NGUYỄN VỚI PHẬT GIÁO
Ở ĐÀNG TRONG
(GIAI ĐOẠN 1558 - 1777)**

Tóm tắt: Trong quá trình xây dựng vương quốc Đàng Trong, ngay từ đầu các chúa Nguyễn sớm có chính sách ưu tiên phát triển Phật giáo. Từ nhiều tư liệu lịch sử, bài viết làm rõ các ứng xử về mặt nhà nước của chính quyền chúa Nguyễn đối với Phật giáo thời kỳ này; đánh giá vai trò của Phật giáo trong việc củng cố đoàn kết xã hội, giải quyết vấn đề dân tộc - tôn giáo, xây dựng quyền lực nhà nước ở Đàng Trong giai đoạn 1558 - 1777.

Từ khóa: Đàng Trong; chúa Nguyễn; Phật giáo; chính sách tôn giáo; thế kỷ 16 - 18.

Dẫn nhập

Các chúa Nguyễn trong quá trình xây dựng chính quyền, thiết lập quyền lực nhà nước trên vùng đất mới Đàng Trong, vốn là vùng đất có thành phần cư dân, dân tộc đa dạng, mỗi cộng đồng dân tộc lại có các truyền thống văn hóa, tôn giáo khác nhau, gồm các nhóm: người Việt, người Chăm, người Khmer, người Thượng và người Hoa, v.v... Suốt hơn hai thế kỷ tồn tại, chính quyền chúa Nguyễn luôn phải đối mặt với hai vấn đề lớn, đó là: vấn đề đa dạng dân tộc - tôn giáo và củng cố quyền lực nhà nước trên vùng đất mới.

Trong bối cảnh đó, ngay từ rất sớm chính quyền chúa Nguyễn lựa chọn chính sách ưu tiên phát triển Phật giáo. Phật giáo được sử dụng như một công cụ để tập hợp quần chúng, song song với việc thu phục lòng người, quy tụ nhân tâm, Phật giáo góp phần củng cố quyền lực nhà nước và tính hợp pháp của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng

* Viện Nghiên cứu Tôn giáo, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Ngày nhận bài: 9/11/2018; Ngày biên tập: 14/11/2018; Ngày duyệt đăng: 21/11/2018.

Trong. Mặt khác, triều đình thi hành các biện pháp để Phật giáo trở thành nhân tố hóa giải những sự khác biệt về văn hóa, tôn giáo giữa các cộng đồng cư dân dân tộc trong môi trường đa dạng tôn giáo ở Đàng Trong.

Bài viết đi sâu tìm hiểu những ứng xử về mặt nhà nước của chính quyền chúa Nguyễn đối với Phật giáo, trên cơ sở đó đánh giá vai trò của Phật giáo trong việc củng cố quyền lực nhà nước và việc giải quyết các vấn đề về dân tộc - tôn giáo ở Đàng Trong giai đoạn 1558 - 1777.

1. Đặc điểm cư dân, dân tộc và tôn giáo ở Đàng Trong

Thời kỳ đầu, khi Nguyễn Hoàng làm trấn thủ đất Thuận Hóa (1558), sau mở rộng tới vùng Quảng Nam (1570), cư dân đa số là lưu dân người Việt và người Chăm sống đan xen với nhau. Đối với người Việt, hầu hết cư dân từ các tỉnh phía Bắc và vùng Thanh, Nghệ chuyển vào, cho nên họ vẫn giữ những truyền thống tôn giáo cũ, ngoài thờ cúng đa thần, tôn giáo chính là tam giáo: Nho - Phật - Đạo. Người Chăm là cộng đồng dân tộc có lịch sử hình thành phát triển lâu đời trên vùng đất miền Trung, từ mũi Hoành Sơn đến vùng Bình Thuận - Biên Hòa. Người Chăm chịu ảnh hưởng sâu sắc nền văn minh Ấn Độ, tôn giáo chính là Ấn Độ giáo, chủ yếu là Shiva giáo. Tính đa dạng tôn giáo cũng tồn tại ngay trong cộng đồng người Chăm, với 3 nhóm chính: Chăm Bàlamôn (*người Chăm theo Bàlamôn giáo*), Chăm Bani (*người Chăm theo Islam giáo bản địa hóa*), Chăm Islam (*người Chăm theo Islam giáo*)¹, v.v... Tại Nam Bộ, cộng đồng người Khmer cũng chịu ảnh hưởng nền văn minh Ấn Độ, ngoài một số tín ngưỡng thờ các loại Tà, tôn giáo chính của người Khmer là Phật giáo Nam truyền. Cuối thế kỷ 17 đầu thế kỷ 18, được sự cho phép của chúa Nguyễn, các nhóm cộng đồng người Hoa tảo ra định cư ở một số vùng thuộc Nam Bộ, gồm: Gia Định, Mỹ Tho, Đồng Nai, Hà Tiên, v.v... Người Hoa, ngoài một số tín ngưỡng, như: thờ Thần Tài, Quan Công, Thiên Phi, đa phần họ cũng theo Phật giáo Bắc truyền.

Ngoài ra, trong thành phần cư dân Đàng Trong thời chúa Nguyễn còn có người “Thượng”, người “Man”², là các cộng đồng dân tộc thiểu số định cư chủ yếu ở vùng miền núi và cao nguyên. Người “Thượng”, “người Man” có xu hướng sống co cụm cách biệt ở các

khu vực núi cao để tránh sự kiểm soát của chính quyền họ Nguyễn, do đó sẽ ít được đề cập trong bài viết này.

Trong thành phần cư dân, dân tộc ở Đàng Trong, lưu dân người Việt giữ vai trò là chủ thể chính, cùng với người Chăm, người Khmer, người Hoa, người Thượng, người Man tạo nên một môi trường đa dạng tôn giáo hết sức đặc sắc. Trong đó, Phật giáo có nhiều nét tương đồng văn hóa với các cộng đồng chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ ở người Chăm, người Khmer, đồng thời cũng là tôn giáo gần gũi với các cộng đồng người Việt, người Hoa. Chính vì thế, ngay từ rất sớm các chúa Nguyễn đã chủ trương ưu tiên phát triển Phật giáo, coi Phật giáo là tôn giáo chủ lưu có vai trò trung gian nhằm hóa giải sự khác biệt về văn hóa - tôn giáo giữa các cộng đồng tôn giáo ở Đàng Trong.

2. Chính sách phát triển Phật giáo của các chúa Nguyễn

2.1. Về cơ sở thờ tự

Số lượng cơ sở thờ tự:

Thời kỳ này, các chúa Nguyễn cho xây chùa với một số lượng lớn. Ngay từ rất sớm, chúa Nguyễn Hoàng đã cho dựng nhiều ngôi chùa trên đất Thuận Hóa, Quảng Nam, Quảng Bình³. Chùa được xây dựng nhiều dưới đời các chúa Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Chu.

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*, thời kỳ này có tổng số 77 ngôi chùa. Hầu hết các dinh, trấn đều có chùa, Phủ Thừa Thiên vừa là thủ phủ chính trị vừa là trung tâm tôn giáo của các chúa Nguyễn có tới 19 ngôi chùa.

Cụ thể số lượng chùa được phân bố ở các dinh, trấn như sau: Kinh sư: có 6 ngôi chùa; Quảng Ngãi: có 6 ngôi chùa; Phủ Thừa Thiên: có 19 ngôi chùa; Quảng Bình: có 4 ngôi chùa; Quảng Nam: có 4 ngôi chùa; Bình Định: có 4 ngôi chùa; Phú Yên: có 3 ngôi chùa; Khánh Hòa: có 3 ngôi chùa; Hà Tiên: có 5 ngôi chùa; Biên Hòa: có 15 ngôi chùa; An Giang: có 3 ngôi chùa, Gia Định: có 4 ngôi chùa; Vĩnh Long: có 1 ngôi chùa; Định Tường: có 1 ngôi chùa.

Văn miếu, nơi thờ Khổng Tử ở khu vực Đàng Trong thời kỳ này chỉ có 3 văn miếu (2 ở kinh sư, 1 ở Quảng Bình). Số lượng 3 văn miếu so với 77 ngôi chùa cho thấy sự quan tâm đặc biệt của chúa Nguyễn đối với Phật giáo.

Hệ thống chùa Sắc tứ

Thời chúa Nguyễn tiếp tục truyền thống phong thần, sắc phong thần kỳ của các triều đình phong kiến trước. Cùng với hệ thống đình, đền (thờ thần) được ban sắc phong, thời kỳ này đã hình thành một hệ thống chùa được triều đình gắn biển ngạch “Sắc tứ”.

Thông kê từ *Đại Nam Nhất Thống Chí* và *Đại Nam Thực Lục*, trong tổng số 77 ngôi chùa, tỷ lệ có khoảng 1/3 với 25 ngôi chùa được cấp biển ngạch và “Sắc tứ”, cụ thể như sau: chùa Thiên Mục, chùa Long Quang, chùa Thánh Duyên, chùa Vinh Hoa, (Kinh đô); chùa Quang Đức, chùa Báo Quốc, chùa Quốc Ân, chùa Sơn Tùng, chùa Giác Hoàng, chùa Tĩnh Quang, chùa Thiên Tân (Thuận Hóa); chùa Cảnh Tiên, chùa Hoằng Phúc, chùa Bảo Quang, chùa Di Đà (Quảng Nam); chùa Diệu Giác, chùa Phổ Tế, chùa Long Hưng (Quảng Ngãi); chùa Linh Phong, chùa Thập Tháp (Bình); chùa Kim Sơn, chùa Linh Sơn, chùa Hộ Quốc, chùa Vạn An (Khánh Hòa); chùa Thiên Trường (Gia Định).

Tại các ngôi chùa “Sắc tứ” thường có câu đối, bài minh, hoành phi có gắn biển ngạch chữ vàng “Quốc chúa đề ngự” hoặc “Quốc vương đề ngự”. Sách *Đại Nam Thực Lục* cho biết thêm: các chùa “Sắc tứ” thường là nơi tổ chức các hoạt động tế lễ lớn của triều đình. Tuy chưa hình thành các quy định rõ ràng, song các ngôi chùa “Sắc tứ” có vai trò giống như các ngôi chùa “Quốc tự” triều Nguyễn.

Với hệ thống chùa “Sắc tứ”, các chúa Nguyễn thể hiện mong muốn đề cao Phật giáo như một tôn giáo chủ lưu nhằm gia tăng ảnh hưởng của Phật giáo trong đời sống xã hội.

2.2. Các sinh hoạt thực hành của Phật giáo

2.2.1. Phật giáo cung đình

Trước hết, các chúa Nguyễn đều coi trọng các giá trị luân lý Phật giáo. Ngoài vai trò là người đứng đầu Phủ Chúa, các chúa còn luôn coi mình là các vị Bồ Tát với các danh xưng: *Chúa Tiên*, *Chúa Sãi*, *Chúa Hiền*, *Chúa Nghĩa*, *Chúa Minh*... Một số chúa Nguyễn sau khi quy y có pháp danh, như: *Chúa Minh* Nguyễn Phúc Chu có pháp danh là *Hưng Long*. Võ vương Nguyễn Phúc Khoát pháp danh là *Tư tế Đạo nhân*.

Các chúa Nguyễn trọng dụng một số vị sư tăng trong vai trò hộ trì về mặt tinh thần. Thời *Chúa Tiên*, *Chúa Sãi*, Phật giáo đã phát triển, song từ thời *Chúa Hiền*, Phủ Chúa và hàng ngũ sư tăng gắn bó nhiều hơn, đặc biệt kể từ khi xuất hiện sư tăng người Hoa cuối thế kỷ 17. Thời *Chúa Hiền*, *Chúa Nghĩa*, triều đình trọng dụng sư tăng người Hoa, tiêu biểu có Thiền sư Nguyên Thiều - Siêu Bạch (phái Thiền Lâm Tế), Thiền sư Minh Châu - Hương Hải (phái Thiền Trúc Lâm)⁴. *Chúa Minh* trọng dụng Thiền sư Hưng Liên trong vai trò quốc sư, đặc biệt ưu ái Thiền sư Thích Đại Sán khi vị này sang hoàng pháp (1695-1696). Võ vương Nguyễn Phúc Khoát trọng dụng Thiền sư Liễu Quán (người Việt), v.v...

Theo lời kể của Thích Đại Sán, dưới thời Chúa Minh, Chúa là Phật tử sùng tín, Quốc Mẫu và người anh trai Thiều Dương là những người sùng Phật, thường hay tiến hành các nghi lễ Phật giáo tại gia phủ. Chúa bày tỏ ý định muốn xây dựng một chính quyền Phật giáo: “Ta sẽ thống suất quyền thuộc, các quan văn võ, ai có tín tâm, đều xin làm đệ tử, chịu Bồ Tát giới xin hòa thượng đặt cho pháp danh đạo hiệu”⁵.

Trên thực tế, trong triều thần, nhiều quan lại đầu triều đứng ra xây chùa, lập am, xuất gia, quy y, ví dụ: Nguyên soái Hiệp sau khi chỉ huy trận chiến Trịnh - Nguyễn xong về dựng am nhỏ thờ Phật, thỉnh thoảng bàn đạo thuyết pháp để tự vui; Thống suất Nguyễn Cửu Vân sau khi đánh Chân Lạp xong xây chùa Hộ Quốc; Trần Đình Ân theo phò 4 đời chúa, năm 1703 khi ông về hưu ở chùa Bình Trung lấy thiền học làm vui⁶; Tứ triều Nguyên lão Đông Triều cùng với con là Văn chức Thế nam đều quy y thụ giới; Chương Thanh là một vị đại thần rường cột nước Đại Việt, giữ chức cơ mật luôn bốn triều vua, sau ông quy y làm Bồ Tát giới⁷, v.v...

Đối với thực hành Phật giáo cung đình: Việc xây chùa diễn ra thường xuyên, nhân các dịp này, chúa thường tổ chức các cuộc tế lễ, dựng các đàn giới, đàn tụng, đàn chay có quy mô lớn. Hội chùa do chúa tổ chức, có khi là 7 ngày, có khi kéo dài hàng tháng. Đặc biệt, tại các sự kiện này, chúa thường tổ chức phát chẩn, bố thí, cấp tiền, gạo cho dân nghèo nhằm hướng sự quan tâm tới dân chúng.

Theo sách *Đại Nam Thực Lục*: Chúa Nguyễn Hoàng, năm 1602, “sửa chữa chùa Sùng Hóa. Chúa nhân tiết Trung thu đến chơi chùa

Thiên Mục, lập đàn chay làm lễ bố thí”⁸. Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, năm 1714, “tháng 6, trùng tu chùa Thiên Mục... làm tới một năm mới xong... Chúa thường ra chơi... tháng 7, mở hội lớn ở chùa Thiên Mục. Chúa ăn chay ở vườn Côn Gia một tháng, phát tiền gạo, chẩn cấp cho người nghèo thiếu”⁹.

2.2.2. Phật giáo dân gian

Các chúa Nguyễn thực hiện vai trò dẫn dắt đời sống sinh hoạt Phật giáo trong dân chúng.

Trước hết, các chúa chú trọng tới hoạt động hoằng pháp cho dân chúng ở các dinh, trấn gần xa. Trong hoạt động này, lực lượng sư tăng Trung Hoa giữ vai trò chủ chốt, tiêu biểu là các hòa thượng: Hương Hải, Nguyễn Thiều... Dưới thời Chúa Minh, sau hai cuộc bạo loạn có liên quan đến sư tăng Trung Hoa, trong nước thiếu người dẫn dắt Phật giáo. Chúa Minh nhờ người mời được Hòa thượng Thích Đại Sán sang hoằng pháp (1695-1696). Vào dịp này, chúa đã tổ chức nhiều cuộc lễ thụ giới cho tăng chúng, mở kỳ sám tụng nhân dịp lễ Phật đản có quy mô hàng nghìn người.

“Tăng chúng thập phương đầu đơn xin thọ giới có hơn 600 người, song hôm chính thức có tới hàng nghìn người tham gia. Nhà vua lệnh cho quan quân cất dựng liêu xá cho tăng chúng trong 3 ngày phải xong... Khắp cả nước kéo nhau đến xem, đều hoan hỷ cho là một đại hội chưa từng có bao giờ. Vào dịp này, nhà vua ra lệnh tổ chức truyền Sa Di giới, truyền Tỳ Kheo giới, quốc vương mời Hòa thượng Thích Đại Sán thuyết pháp, còn nhà vua đích thân mở đàn chay dâng lễ, tự mình đến thắp hương”^{10,11}...

Sau đó, nhân dịp ngày Phật Đản, Phủ Chúa tổ chức một kỳ sám tụng quy mô lớn:

“rước tất cả tùy tùng trọng tăng chúng, mở một kỳ sám tụng Đại Bi Đà La Ni... cắm phan treo cờ, châu báu la liệt, khói hương sực nức, hoa quả huy hoàng, quốc vương mở đàn cúng dường. Chúng tăng trai giới tiến đàn, từ đầu đến gót y phục mao giày đều mới tinh... người đi xem, đều lặng thính tỏ bề cung kính”¹².

Để tạo điều kiện cho Phật giáo phát triển trong dân chúng, Phủ Chúa trực tiếp đứng ra tổ chức nhiều sinh hoạt thực hành Phật giáo:

thụ giới quy y, học kinh Phật, tụng kinh, giảng kinh pháp, dựng liêu xá, chu cấp cơm ăn thức uống cho tăng chúng, cúng dường, rước sách, v.v... Các hoạt động này góp phần nuôi dưỡng niềm tin và các thực hành nghi lễ Phật giáo trong dân chúng khiến cho đời sống Phật giáo có nhiều khởi sắc. Điều này được phản ánh trong các ghi chép của các giáo sĩ phương Tây như sau:

“Xứ Đàng Trong còn có nhiều đền chùa rất đẹp với tháp cao và lầu chuông. Mỗi địa điểm dù nhỏ bé đến đâu thì cũng có đền chùa thờ cúng thần Phật. Có những pho tượng rất lớn có vàng có bạc chứa chấp và tàng trữ ở trong... Không ai dám sờ mó vào... vì ở đây người ta vẫn quan niệm rằng làm như vậy là phạm thượng... Họ tổ chức rước sách. Lễ lạt rất long trọng, kẻ kính thần Phật (...). Các giáo phái đều phát nguyện từ kinh sách của một đại triết gia và nhà siêu hình học trứ danh gọi là Thích Ca (...). Họ có đền chùa, họ cúng tế và rước kiệu¹³.

Thiền sư Thạch Liêm cũng có nhận xét tương tự. Tuy nhiên, thời điểm cuối thế kỷ 17, sinh hoạt Phật giáo trong dân gian bắt đầu rơi vào tình trạng rối loạn:

“Nay ta xem người bản quốc, có lòng tin rất kiên cố, chùa chiền khắp xứ, sãi vãi đầy đoàn, há phải thiếu kẻ tu hành có căn tính linh lợi (...) Phật pháp rối loạn, không có kẻ chân tu, tăng chúng không giữ giới luật...”¹⁴.

Nguyên nhân của tình trạng trên một phần là do thiếu lực lượng dẫn dắt. Ngoài ra, chính sách phu lính suốt đời¹⁵ cũng là nguyên nhân dẫn đến tình trạng đi tu chốn lính tràn lan, sư tăng không giữ giới luật, không thuộc kinh pháp¹⁶. Năm 1707, để ngăn chặn tình trạng đi tu trốn lính, đồng thời để chấn chỉnh đội ngũ sư tăng, Chúa Minh quy định lại thể thức duyệt tuyển đối với sư tăng như sau: “... Các nhà sư, xét đúng bản thân có quan điệp (độ điệp, tức giấy của quan cấp cho chứng nhận là tăng) có trai giới và tu hành thì cho miễn thuế và các việc sưu sai, nếu ra ngoài mà không có quan điệp và giả mạo quan điệp thì đều bỏ vào hạng...”¹⁷.

Song song với việc chấn chỉnh đời sống tu trì, giảng dạy kinh pháp, Phủ Chúa cử người sang Trung Hoa mua kinh sách, gồm Kinh Đại Tạng cùng Luật và Luận hơn nghìn bộ¹⁸ nhằm mục đích cấp phát cho

các chùa. *Đại Nam Thực Lục* cũng cho biết Lại Bộ Nguyễn Cư Trinh viết sách *Sãi Vãi Vấn Đáp*, nhằm bài bác mê hoặc, dùng lời văn biên ngẫu quốc âm (chữ Nôm) diễn giải các giáo lý Phật giáo để dễ dàng truyền tụng rộng rãi trong dân chúng¹⁹.

Với chính sách phát triển Phật giáo, thời kỳ này các sinh hoạt thực hành Phật giáo được phổ biến rộng rãi: Từ việc xây chùa, tổ chức hoằng pháp, cho đến các sinh hoạt thực hành thường ngày tụng kinh, ăn chay, niệm Phật... Phủ Chúa cũng có những biện pháp nhằm chấn chỉnh đời sống Phật pháp. Đáng chú ý, các chúa Nguyễn tạo dựng được một cộng đồng Phật giáo từ vua, quan lại cho đến thần dân. Bên cạnh việc đề cao các giá trị của Phật giáo, các mối quan hệ và ứng xử xã hội đều dựa trên hệ thống luân lý, đạo đức Phật giáo.

3. Ứng xử của chính quyền chúa Nguyễn với các cộng đồng Phật giáo

3.1. Cộng đồng người Việt

Trong tâm thức tôn giáo của người Việt, truyền thống Tam giáo có một quá trình tồn tại lâu dài trong lịch sử²⁰. Không chỉ tồn tại trong mỗi cá nhân mà nó còn hiển hiện trong đời sống xã hội như một nhu cầu tinh thần và sinh hoạt tôn giáo hết sức phổ biến. Trong đó, Tam giáo kết hợp với tín ngưỡng đa thần của người Việt tạo thành một sự pha trộn thờ kính rất đa dạng²¹.

Người Việt khi thay đổi môi trường sinh sống ở Đàng Trong vẫn có nhu cầu duy trì, bảo lưu các truyền thống văn hóa - tôn giáo, trong đó có truyền thống Tam giáo. Khảo cứu một số ngôi chùa ở Đàng Trong thời kỳ này cho thấy, dấu ấn Tam giáo được thể hiện khá rõ nét.

Về sự dung hợp giữa yếu tố yếu tố Phật giáo và Nho giáo: tại chùa *Kim Sơn* (Khánh Hòa), năm 1740, chúa Nguyễn Phúc Thuần ban biểu ngạch cho chùa có khắc chữ “Canh Thân Niên Nguyệt Tạo” và khắc ấn vuông chữ triện có 4 chữ “Nghiep Quảng Duy Cần” (*theo Kinh thư, nghĩa là muốn mở rộng cơ nghiệp thì phải siêng năng*). Chùa không chỉ là nơi thờ Phật mà còn được các chúa Nguyễn sử dụng là nơi truyền bá các giáo lý Nho giáo răn dạy các tín đồ Phật giáo và các thần dân của mình²².

Về sự dung hợp giữa yếu tố Phật giáo và Đạo giáo: tại chùa *Hoàng Phúc* hay còn gọi là chùa *Kính Thiên* (Quảng Ngãi) do chúa Nguyễn Hoàng xây dựng, có 5 câu đối do chúa Nguyễn Phúc Chu ngự chế, trong đó 4 câu đối ca ngợi Phật giáo, 1 câu đối ca ngợi Đạo giáo có nội dung như sau: “Huyền ảo kính vu không đường, thâm nghiêm vạn tượng; Xán tâm đăng vu tính địa, diệu chứng vô vi” (có nghĩa là: *Nhà không khoáng treo gương quý; muôn tượng giăng bày chỗ tính linh rạng đèn lòng, vô vi mầu nhiệm*)²³.

Tại ngôi chùa *Cảnh Tiên* (Quảng Bình) do khai quốc công thần Nguyễn Hữu Dật xây dựng, được ban biễn ngạch, trong đó có ghi: “Sắc tứ Cảnh Tiên Tự”. Chùa là nơi thờ Phật, tiên cảnh thuộc Đạo giáo, tuy nhiên cả hai yếu tố này được đặt cạnh nhau trong cùng một biễn ngạch sắc tứ. Đặc biệt, tấm biễn ngạch “Sắc tứ Cảnh Tiên tự” này do chính các vị chúa quốc đề ngự.

Dẫn chứng trên cho thấy, truyền thống Tam giáo và quan niệm về một thế giới thiêng *Tiên - Thần - Phật* vẫn mang đậm dấu ấn trong tâm thức các vị chúa Nguyễn. Tương tự, trong lưu dân Việt, các truyền thống Tam giáo ở Đàng Ngoài tiếp tục được bảo lưu. Giáo sĩ A. Rhodes từng khẳng định, về cơ bản ở Đàng Trong “thể chế tôn giáo không khác với Đàng Ngoài”²⁴.

Truyền thống Tam giáo có vai trò đặc biệt quan trọng đối với cộng đồng người Việt khi thay đổi môi trường sống ở Đàng Trong. Việc tiếp tục truyền thống Tam giáo, giữ nguyên các hệ giá trị, luân lý đạo đức, trật tự xã hội có sẵn, giúp cho quá trình ổn định và tái cấu trúc cộng đồng diễn ra nhanh chóng. Nó đồng thời khắc phục những đứt gãy niềm tin và thực hành tôn giáo trong môi trường sống mới. Nhìn từ góc độ quản trị xã hội, việc tiếp tục truyền thống Tam giáo là nhằm đáp ứng nhu cầu tôn giáo của các lưu dân Việt. Ngoài ra, nó còn tạo điều kiện thuận lợi cho các chúa Nguyễn trong quá trình thiết lập các thể chế quản lý đối với cộng đồng người Việt trên vùng đất mới.

3.2. Các cộng đồng tại chỗ

3.2.1. Người Chăm và các phé tích tôn giáo

Cộng đồng người Chăm phản ứng trước sự xuất hiện của cộng đồng lưu dân Việt. Một số nhóm tiếp tục ở lại định cư, trong khi một

số nhóm chuyển đi nơi khác sinh sống, các cơ sở tôn giáo của họ bị bỏ hoang.

Với các phế tích của người Chăm để lại, với quan niệm cho rằng đây là nơi đất thiêng, đặc địa cho nên các chúa Nguyễn cho dựng chùa mới ở chính những nơi đó. Một số ngôi chùa tiêu biểu được xây dựng lên trên các nền chùa, tháp cũ là: chùa Thiên Mục, Thánh Duyên, Trấn Hải, chùa Vinh Hoa (Kinh sư), Hoàng Phúc (Quảng Bình), Thập Tháp, Mạn Sơn (Bình Định), v.v...

Đại Nam Nhất Thống Chí có ghi:

“Năm Đinh Mùi thứ 19, Thái Tông ngự giá chơi cửa biển Tư Dong (sau là Tư Hiền)... trên đỉnh có tháp cổ Chiêm Thành, thường tỏ linh thiêng, bèn sai thủ hạ Trần Đình Ân lấy đất dựng chùa Phật, gọi là chùa Vinh Hoa, sau trải loạn lạc, chùa bị bỏ, năm Minh Mệnh thứ 17 sai tu bổ lại²⁵.

Chùa Thập Tháp (Bình Định): “Ở thôn Thuận Chính, huyện Tuy Viễn, vì phía sau chùa có 10 ngọn tháp Chiêm Thành nên gọi tên thế... Năm Quý Hợi, Thái Tông năm thứ 21 (1683), nhà sư Trung Quốc là Bích Hoán Thượng tọa dựng... năm 1691 ban biển ngạch là Thập tháp Di Đà Tự và một câu đối nay vẫn còn²⁶.

3.2.2. Người “Man” và chùa Hang

Người “Man” được đề cập trong sử liệu thời Nguyễn để chỉ các cộng đồng dân tộc thiểu số ở vùng miền núi. Người Việt trong quá trình tiếp quản địa bàn sinh sống của Man đã tiếp quản một số ngôi chùa Hang - tức là chùa thường ở trong núi. Chủ nhân chính của các ngôi chùa Hang được cho là các nhóm nhỏ người Miên (người Khmer) và người Hoa với hệ thống tượng thờ và cách tu tập khá đặc biệt.

Theo *Đại Nam Thực Lục*, các ngôi chùa Hang tiêu biểu gồm: chùa Bạch Thạch, chùa Hang (Quảng Ngãi), chùa Thạch Cốc (Bình Định), chùa Long Cốc (Biên Hòa)... Một số ngôi chùa Hang được mô tả như sau: Chùa Bạch Thạch “ở huyện Bình Sơn. Trong núi Man có một phiến đá cao ước ba trượng... bên cạnh có kỷ có bậc như cái án, người Man gọi là chùa Bạch Thạch, ít có người đến”²⁷; Chùa Hang ở núi Long Phụng, huyện Mộ Đức, Quảng Ngãi: Tương truyền trước có

một nhà sư trụ trì ở đây, nhà sư thường sống bằng lá dâu. Người ta thường gọi là Thái tăng (sư ăn dâu). Sau khi nhà sư tịch, cửa hang bỏ hoang, ít người đi lại²⁸.

Trong quá trình các chúa Nguyễn thiết lập quyền lực ở Đàng Trong, tại các khu vực sinh sống của dân cư tại chỗ, còn sót lại các đền, đài là không gian sinh hoạt tôn giáo của họ trước đây. Nhìn chung, thái độ của các chúa Nguyễn thường là tôn trọng và bảo lưu.

3.2.3. Người Khmer và Phật giáo Nam truyền

Như đã biết, giữa Phật giáo của người Việt và người Hoa vùng Nam Bộ có những nét tương đồng vì cùng là Phật giáo Bắc truyền. Phật giáo chủ lưu của người Khmer là Phật giáo Nam truyền cho nên có những khác biệt khá rõ nét.

Đối với Phật giáo của người Khmer, thời kỳ này các chúa Nguyễn đã tổ chức các sinh hoạt tôn giáo mang màu sắc Nam truyền. Đặc biệt, trong dịp mời Hòa thượng Thích Đại Sán từ Trung Hoa sang hoằng pháp, chúa Nguyễn Phúc Chu ra lệnh tổ chức truyền Sa Di giới, truyền Tỳ Kheo giới, Hòa thượng Thích Đại Sán thuyết pháp, nhà vua mở đàn chay, dâng lễ... Tăng chúng thập phương đầu đơn xin thọ giới có hơn 600 người, hôm chính thức có tới hàng nghìn người tham gia²⁹.

Trong môi trường đa dạng tôn giáo, người Việt giao lưu và tiếp thu các yếu tố tôn giáo của người Khmer là một quá trình hết sức tự nhiên. Tuy nhiên, nhìn từ góc độ chính sách tôn giáo, việc đích thân chúa Nguyễn tổ chức các sự kiện lớn của Phật giáo mang màu sắc Nam truyền (truyền Sa Di giới, truyền Tỳ Kheo giới) còn mang những ý nghĩa khác. Trước hết, đây là một cách chính thức hóa, một sự thừa nhận về mặt nhà nước đối với yếu tố Phật giáo Nam truyền. Phủ Chúa chủ động mở ra các không gian sinh hoạt tôn giáo chung, một mặt đáp ứng nhu cầu sinh hoạt Phật giáo của cộng đồng người Khmer, mặt khác để các cộng đồng cư dân có điều kiện tiếp xúc, hiểu biết về tôn giáo của người Khmer. Các cộng đồng Phật giáo có cơ hội tiếp xúc, hiểu biết và xích lại gần nhau, điều này có tác dụng xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa các cộng đồng tôn giáo và xóa đi những khác biệt trong môi trường đa dạng tôn giáo.

3.3. Cộng đồng di cư người Hoa

Yếu tố Phật giáo của cộng đồng người Hoa giữ vai trò quan trọng trong việc tạo nên diện mạo của Phật giáo Đàng Trong. *Thứ nhất*, trong thời kỳ đầu, khi hai vùng: Thuận Hóa, Quảng Nam còn giữ được mối liên hệ với Đàng Ngoài, đã có một số chùa của cả người Việt và người Hoa³⁰. Sau khi nổ ra phân tranh Trịnh - Nguyễn, mối liên hệ giữa Phật giáo Đàng Trong với Phật giáo Đàng ngoài bị cắt đứt. Bắt đầu từ đây, các chúa Nguyễn chú trọng tới lực lượng sư tăng Trung Hoa trong chính sách phát triển Phật giáo. *Thứ hai*, nhiều sư tăng người Hoa theo các đoàn Minh Hương vào Đàng Trong định cư. Có hai đợt di cư chính, thế kỷ 17 với nhóm Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch, thế kỷ 18 với nhóm Mạc Cửu.

Trước tình hình đó, để khai thác các nguồn nhân lực, thế mạnh của Phật giáo Trung Hoa, triều đình cử người sang Trung Hoa mua kinh sách Phật giáo. Trọng dụng hàng ngũ sư tăng Trung Hoa, một số hòa thượng giữ vai trò Quốc sư (Thiền sư Hưng Liên), đồng thời sử dụng đội ngũ sư tăng Trung Hoa vào việc hoằng pháp. Dưới thời Chúa Minh, trong nước thiếu người dẫn dắt Phật pháp, nhờ vào mối quan hệ với sư tăng Trung Hoa, Chúa mời được Thiền sư Thạch Liêm (tức Hòa thượng Thích Đại Sán) từ Trung Hoa sang. Giai đoạn này tổ chức được nhiều hoạt động sinh hoạt Phật giáo có quy mô lớn ở Kinh sư, Thuận Hóa và Quảng Nam, v.v...

Đối với cộng đồng tín đồ Phật giáo người Hoa, các chúa Nguyễn tạo điều kiện cho họ thực hành các sinh hoạt Phật giáo một cách thuận lợi. Nhiều ngôi chùa Trung Hoa được dựng lên tại các khu vực tập trung người Hoa sinh sống. Nhóm người Hoa của Trần Thượng Xuyên, Dương Ngạn Địch ở Gia Định, Đồng Nai, Mỹ Tho có các ngôi chùa: *Long Vân, Long Thiền, Khoáng Viên, Kim Cang, Đại Giác, Bửu Phong*; nhóm của Mạc Cửu ở Hà Tiên có chùa *Tam Bảo*, v.v...

Với cộng đồng Phật giáo người Hoa, các chúa Nguyễn một mặt đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tôn giáo, mặt khác tranh thủ khai thác các nguồn lực, thế mạnh của Phật giáo Trung Hoa nhằm mục đích củng cố và phát triển Phật giáo ở Đàng Trong.

Tóm lại, cộng đồng Phật giáo ở Đàng Trong được cấu thành bởi nhiều nhóm cộng đồng có nguồn gốc cư dân, dân tộc khác nhau. Bên cạnh chủ trương chung là ưu tiên phát triển Phật giáo, các chúa Nguyễn còn áp dụng nhiều biện pháp ứng xử linh hoạt đối với từng nhóm cộng đồng, cụ thể: tiếp tục duy trì truyền thống Tam giáo Nho - Phật - Đạo (của người Việt), tôn trọng sự khác biệt về niềm tin và thực hành tôn giáo (cộng đồng người Chăm, Khmer); khai thác thế mạnh của một số cộng đồng Phật giáo (đặc biệt là người Hoa).

Có thể nhận thấy, trong chính sách đối với Phật giáo, các chúa Nguyễn thể hiện thái độ tôn trọng đối với các yếu tố tôn giáo tại chỗ, kể cả sự khác biệt về tôn giáo. Chính quyền chúa Nguyễn tạo dựng được một môi trường sinh hoạt Phật giáo đa dạng trong hài hòa, góp phần hóa giải những khác biệt tôn giáo trong môi trường đa dạng ở Đàng Trong.

4. Một số nhận xét đánh giá

4.1. Phật giáo góp phần củng cố các mối quan hệ xã hội

(1) Quy tụ nhân tâm

Thành phần lưu dân Việt ở Đàng Trong, ngoài những người di cư để mưu sinh, còn có nhiều thành phần khác, như: các nhóm theo nhà Mạc, tù đầy, du đảng, quan và quân bất mãn với họ Trịnh, hoặc bị mắc lỗi trốn tránh sự trừng phạt³¹... Ngoài ra, thời kỳ đầu, trước sự xuất hiện của chính quyền mới, trong cộng đồng người Chăm có một số nhóm nhỏ ngầm ngầm chống đối... Trước tình hình đó, ngay từ khi chúa Nguyễn Hoàng mở đất, cùng với chính sách giảm nhẹ sưu thuế, chiêu hiền đãi sĩ, Phật giáo có vai trò quan trọng trong việc vỗ về dân chúng, cảm hóa và thu phục nhân tâm. Trên tinh thần từ bi, cứu khổ cứu nạn của Phật giáo, trong các sinh hoạt thực hành Phật giáo thời kỳ này luôn gắn với các hoạt động phát chẩn, bố thí, qua đó triều đình thường cấp tiền, gạo cho dân nghèo.

(2) Tạo dựng một giá trị chung (giá trị luân lý Phật giáo) góp phần củng cố đoàn kết xã hội.

Trong chính sách đối với Phật giáo, về quan hệ giữa *tôn giáo với tôn giáo*, các chúa Nguyễn chú trọng đề cao Phật giáo, Phật giáo giữ

vai trò tôn giáo chủ lưu. Về quan hệ *tôn giáo với xã hội*, các chúa Nguyễn sử dụng Phật giáo trong việc tạo dựng một cộng đồng Phật giáo (từ nhà vua - quan lại cho đến các thần dân), đồng thời vận hành và quản trị xã hội dựa trên cơ sở các luân lý, đạo đức Phật giáo. Thực ra, tư tưởng này đã có từ thời chúa Nguyễn Hoàng và nó được định hình rõ nét dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu³².

Cả hai điều này đều nhằm hướng tới việc xây dựng một xã hội đồng nhất về tôn giáo, văn hóa, lối sống, cách ứng xử trong quan hệ xã hội, v.v... Thời kỳ này, có nhiều hoạt động Phật giáo do triều đình tổ chức, từ các sự kiện lớn cho đến các sinh hoạt thực hành tôn giáo thường ngày diễn ra thường xuyên và bao trùm lên toàn bộ đời sống xã hội. Trong đó, Phật giáo đã thực hiện tốt chức năng định hướng và đoàn kết xã hội. Dưới sự dẫn dắt của các chúa Nguyễn, các cộng đồng cư dân có mối quan hệ hài hòa, đặc biệt là họ cùng chia sẻ một giá trị chung trên cơ sở các luân lý, đạo đức Phật giáo. Kết quả lớn nhất mà chính sách Phật giáo thời kỳ này là đã tạo dựng được một môi trường xã hội tương đối đồng nhất, hiền hòa và đoàn kết.

(3) Phật giáo là nhân tố hóa giải sự khác biệt tôn giáo trong môi trường đa dạng dân tộc - tôn giáo.

Trong môi trường tôn giáo ở Đàng Trong, Phật giáo có nhiều nét tương đồng văn hóa với các cộng đồng Ấn hóa, đồng thời nó là tôn giáo gần gũi với các cộng đồng người Việt, người Hoa, người Khmer. Do đó, Phật giáo dễ dàng có được chỗ đứng trong tâm thức tôn giáo của các thành phần cư dân. Đặc biệt về mặt giáo lý, Phật giáo luôn khuyên răn con người sống hiền hòa, nhân từ, bao dung, bình đẳng với một thái độ từ bi, dễ dàng chấp nhận sự khác biệt... Chúng là những nhân tố góp phần hóa giải sự khác biệt tôn giáo cũng như các mối xung đột tiềm ẩn trong các nhóm cộng đồng tôn giáo.

Ngoài ra, Phật giáo ở Đàng Trong được cấu thành bởi nhiều nhóm cộng đồng, trong đó chia ra thành hai nhóm chính: nhóm chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa, gồm người Việt, người Hoa theo xu hướng Phật giáo Bắc truyền; nhóm chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ, đặc biệt là người Khmer theo Phật giáo Nam truyền. Với mỗi cộng đồng Phật giáo, chúa Nguyễn có biện pháp ứng xử khác nhau để

phù hợp với đặc điểm cư dân, dân tộc và tôn giáo. Như đã nêu, đó là: *việc duy trì truyền thống Tam giáo (của người Việt), tôn trọng yếu tố địa phương (của người Chăm, Khmer), khai thác thế mạnh về Phật giáo (của người Hoa)...* Các biện pháp này thể hiện rõ thái độ tôn trọng sự khác biệt về tôn giáo, góp phần tạo nên một môi trường sinh hoạt tôn giáo đa dạng trong hài hòa. Cho đến nay, đặc điểm này vẫn để lại dấu ấn sâu đậm trong đời sống văn hóa - tôn giáo ở khu vực Nam Bộ. Đó là một môi trường đa dạng tôn giáo, trong đó các cộng đồng dân tộc - tôn giáo khác nhau cùng chung sống đan xen hòa bình và tôn trọng những giá trị tôn giáo của nhau.

4.2. Phật giáo góp phần củng cố quyền lực nhà nước và khẳng định tính hợp pháp của chính quyền chúa Nguyễn

Theo lý thuyết Tính Hợp pháp (*Legitimacy*), các thể chế chính trị sẽ phải trải qua một quá trình hợp pháp hóa (*Justification*) để khẳng định được tính hợp pháp của nó. Có hai loại quyền lực thường được nhà nước sử dụng, đó là: *quyền lực cứng*, gồm hệ thống các quy định luật lệ, luật pháp (*rules and law*) và *quyền lực mềm*, gồm hệ thống các luân lý (*moral*), kể cả tôn giáo (*religion*). Quá trình hợp pháp hóa thành công khi thể chế chính trị khẳng định được tính hợp pháp của nó, một trong những biểu hiệu quan trọng của tính hợp pháp đó là sự ủng hộ của dân chúng³³.

Với chúa Nguyễn, trong bối cảnh lịch sử thế kỷ 16 - 18, chính quyền dựa trên cơ sở một lực lượng quân sự nhỏ thuộc chính quyền phong kiến Đàng Ngoài đã từng bước cát cứ và lập lên chính quyền phong kiến Đàng Trong. Đối với các chúa Nguyễn, việc khẳng định tính hợp pháp của chính quyền, đặc biệt là để có được sự ủng hộ của quần chúng nhân dân trở thành một nhu cầu quan trọng và bức thiết.

Nhận thức được vai trò sức mạnh của Phật giáo trong việc tập hợp quần chúng, các chúa Nguyễn đã chủ trương dựa vào Phật giáo để tranh thủ sự ủng hộ của dân chúng, củng cố sức mạnh chính trị và khẳng định tính hợp pháp của chính quyền.

Phật giáo có nhiều ưu điểm với tính hướng thiện và sự gần gũi về văn hóa - tôn giáo... Phật giáo do đó dễ dàng có được chỗ đứng vững chắc trong tâm thức tôn giáo cũng như sự ủng hộ của dân chúng. Thời

kỳ này, chúa Nguyễn cho thi hành chính sách phát triển Phật giáo, sử dụng Phật giáo như một công cụ tập hợp và đoàn kết dân chúng. Như đã phân tích ở trên về chức năng, vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội: *Phật giáo góp phần vào việc quy tụ nhân tâm; củng cố đoàn kết xã hội trên cơ sở cùng chia sẻ các giá trị luân lý, đạo đức Phật giáo; là nhân tố trung gian góp phần hòa giải những khác biệt giữa các cộng đồng tôn giáo...* Với những kết quả này, Phật giáo đã làm tốt chức năng tập hợp quần chúng. Nhờ có Phật giáo, chính quyền chúa Nguyễn đã có được sự ủng hộ của hầu hết các cộng đồng cư dân, nó góp phần khẳng định vai trò lãnh đạo và tính hợp pháp của nhà nước phong kiến Đàng Trong.

Ngoài ra, trong điều kiện chính quyền mới được thiết lập, hệ thống luật pháp (*quyền lực cứng*) đang trong quá trình hoàn thiện, để thực hiện chức năng quản trị xã hội thay vì sử dụng hệ thống luật pháp, chúa Nguyễn chủ yếu dựa vào *quyền lực mềm*, đó là những luân lý, đạo đức Phật giáo. Một cộng đồng xã hội Phật giáo, vận hành chủ yếu trên cơ sở các luân lý đạo đức Phật giáo. Đây là một sự lựa chọn phù hợp để các chúa Nguyễn khẳng định quyền lực chính trị và tính hợp pháp khi thể chế nhà nước đang trong quá trình củng cố và hoàn thiện.

Thay lời kết

Thoát thai từ một lực lượng quân sự nhỏ, từng bước cát cứ dựng lên thể chế nhà nước ở Đàng Trong, các chúa Nguyễn sớm lựa chọn chính sách phát triển Phật giáo. Nó dường như để đối trọng với chính sách đề cao Nho giáo của chính quyền Đàng Ngoài. Một số ý kiến cho rằng, các chúa Nguyễn không lựa chọn Nho giáo bởi vì Nho giáo đề cao tư tưởng *Trung - Hiếu*, trái ngược với con đường chính trị mà các chúa Nguyễn khi dựng lên chính quyền cát cứ nằm ngoài sự kiểm soát của chính quyền trung ương. Tuy nhiên, những phân tích trên đây đã góp phần lý giải nguyên nhân vì sao chính quyền chúa Nguyễn thực thi chính sách ưu tiên phát triển Phật giáo. Thời kỳ này, Phật giáo trở thành bệ đỡ tư tưởng cho chính quyền chúa Nguyễn, là nhân tố hòa giải sự khác biệt trong môi trường đa dạng dân tộc và tôn giáo, nhờ đó vấn đề dân tộc - tôn giáo đã được giải quyết khá tốt. Phật giáo cũng tỏ rõ vai trò, chức năng trong việc quy tụ nhân tâm, tập hợp quần chúng

và củng cố đoàn kết xã hội, nó đồng nghĩa với việc củng cố quyền lực nhà nước góp phần khẳng định tính hợp pháp của chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong giai đoạn 1558-1777.

Ở góc độ chính sách tôn giáo, từ kinh nghiệm của các chúa Nguyễn đối với Phật giáo, chúng tôi cho rằng chính quyền chúa Nguyễn đã giải quyết tương đối tốt vấn đề đa dạng dân tộc và tôn giáo. Trong đó, thái độ tôn trọng sự khác biệt và có biện pháp ứng xử linh hoạt đối với từng nhóm cộng đồng tôn giáo khác nhau là một kinh nghiệm hay. Tôn trọng sự khác biệt để xây dựng một môi trường tôn giáo đa dạng trong hài hòa chính là giải pháp hóa giải những khác biệt và các mối mâu thuẫn tiềm ẩn trong môi trường đa dạng tôn giáo, góp phần củng cố mối quan hệ giữa *tôn giáo với tôn giáo* và mối quan hệ giữa *nhà nước và tôn giáo*. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Xem: Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) (2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
- 2 Theo cách gọi trong sử liệu thời Nguyễn.
- 3 Quốc sử Quán Triều Nguyễn (2004), *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr. 42-43.
- 4 Sau cuộc nổi loạn do người Hoa lãnh đạo (1692) dưới thời Chúa Minh, Thiên sư Nguyên Thiều về ẩn tu ở chùa Hà Trung.
- 5 Thích Đại Sán (2015), *Hải Ngoại Ký Sự*, Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, tái bản theo bản in năm 1963, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 81-82.
- 6 *Đại Nam Thực Lục*, Sdd, tr. 124, 145, 161.
- 7 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 161-162, 171-172.
- 8 *Đại Nam Thực Lục*, Sdd, tr. 35.
- 9 *Đại Nam Thực Lục*, Sdd, tr. 130.
- 10 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 96-111, 123.
- 11 Trong Phật giáo Nam tông Khmer, *Sadi* là thụ giới cho người dưới 20 tuổi, *Tỳ Kheo* thụ giới cho người trên 20 tuổi.
- 12 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 147-149.
- 13 Cristophoro Borri (2014), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, tr. 127-128.
- 14 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 81-82.
- 15 Tuổi đi phu lính từ 16 đến 60.
- 16 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 69-70.
- 17 *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Sdd, tr. 166.
- 18 *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Sdd, tr. 130.

- 19 *Đại Nam Thực Lục*, Sdd, tr. 171-172.
- 20 Trần Nghĩa (2010), “Quá trình hội nhập Nho - Phật - Đạo hay sự hình thành tư tưởng Tam giáo đồng nguyên ở Việt Nam”, *Triết học*, số 1 (224), tr. 23-30.
- 21 Trích theo Leopold Cadière (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, tập 1, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 44-45.
- 22 Quốc sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 118.
- 23 *Đại Nam Thực Lục*, Sdd, tr. 63.
- 24 Xem: A. Rhodes (1994), *Hành trình và truyền giáo*, UBĐK Công giáo, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
- 25 *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 1, Sdd, tr. 84-85.
- 26 *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 3, Sdd, tr. 50.
- 27 *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 3, Sdd, tr. 442.
- 28 *Đại Nam Nhất Thống Chí*, tập 3, Sdd, tr. 443.
- 29 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 96-111, 123.
- 30 Trần Hồng Liên (2000), *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 10.
- 31 Phan Khoang (2016), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558-1777*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 115.
- 32 *Hải Ngoại Ký Sự*, Sdd, tr. 81-82.
- 33 Xem: A. John Simmons (2001), *Justification and Legitimacy*, Cambridge University Spress, Cambridge.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tiếng Việt:

1. Thích Hải Ân, Hà Xuân Liêm (2001), *Lịch sử Phật giáo xứ Huế*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
2. A. Rhodes (1994), *Hành trình truyền giáo*, UBĐK Công giáo, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
3. Leopold Caddiere (2010), *Văn hóa, tín ngưỡng và thực hành tôn giáo người Việt*, tập 1, 2, 3, Đỗ Trinh Huệ dịch, Nxb. Thuận Hóa, Huế.
4. Cristophoro Borri (2003), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Mạnh Cường (2008), *Phật giáo Nam tông Khơ Me: Một số vấn đề nhìn lại*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
6. Ngô Văn Doanh (2002), *Văn hóa cổ Champa*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
7. Nguyễn Hồng Dương (Chủ biên) (2007), *Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo tín ngưỡng của đồng bào Chăm ở hai tỉnh Bình Thuận, Ninh Thuận hiện nay*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
8. Phan Khoang (2016), *Việt sử xứ Đàng Trong 1558 - 1777*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
9. Nguyễn Đức Hiền (1995), “*Lịch sử Phật giáo Đàng Trong*”, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh.
10. Trần Hồng Liên (2000), *Phật giáo trong cộng đồng người Việt ở Nam Bộ - Việt Nam (từ thế kỷ XVII đến 1975)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Quốc sử Quán triều Nguyễn (1977), *Đại Nam Nhất Thống Chí*, Tập 1-5, Nxb. Thuận Hóa, Huế.

12. Quốc sử Quán triều Nguyễn, *Đại Nam Thực Lục*, tập 1, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2004.
13. Chân Đạt Quang (1973), *Chân Lạp phong thổ ký*, Sài Gòn.
14. Thích Đại Sán, *Hải Ngoại Ký Sự*, Viện Đại học Huế và Ủy ban Phiên dịch Sử liệu Việt Nam, 1969.
15. Tạ Chí Đại Trường (2006), *Thần và người đất Việt*, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
16. Viện Khoa học xã hội Tp. Hồ Chí Minh (1982), *Một số vấn đề Khoa học xã hội về Đồng bằng sông Cửu Long*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
17. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam (2014), *Phật giáo Hậu Lê*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.

Tài liệu tiếng Anh:

18. A. John Simmons (2001), *Justification and Legitimacy*, Cambridge University Spress, Cambridge.
19. <http://plato.stanford.edu/entries/legitimacy>.

Abstract

**NGUYEN LORDS' POLICIES TOWARDS BUDDHISM
IN THE OUTER LAND (ĐÀNG TRONG) FROM 1558 TO 1777**

Truong Thuy Trinh

Institute for Religious Studies, VASS

Since the beginning of Outer Land kingdom construction, the Nguyen lords have had a policy to prioritize the development of Buddhism. Based on a number of historical documents, the article clarifies the behavior of the Nguyen government towards Buddhism in this period. It also assesses the role of Buddhism in consolidating social solidarity, solving the issue of ethnicity and religion, contributing to the consolidation of the State power in Outer Land in the period from 1558 to 1777.

Keywords: Đàng Trong; Nguyen Lord; Buddhism; religious policy; 16th - 18th centuries.